

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC MIỄN/GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số: 546 /QĐ-ĐHCN, ngày 24 tháng 3 năm 2026, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
	I.	CTĐT THEO ĐỊNH MỨC CHUẨN							
1.	22021182	Lương Văn Kết	14/02/2004	CNTT	Tày	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
2.	22021200	Phạm Đức Hoàng	23/06/2004	CNTT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
3.	22021214	Triệu Minh Nhật	14/04/2004	CNTT	Nùng	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
4.	22021220	Phạm Hồng Phúc	27/12/2004	CNTT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
5.	22021547	Đỗ Tiến Thành	06/10/2004	KTĐK&TĐH	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
6.	22021566	Lê Thiêm Giang	01/08/2004	KTĐK&TĐH	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
7.	22022138	Nguyễn Quốc An	26/10/2004	KTMT	Tày	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
8.	22022140	Nguyễn Hoàng Phương	23/03/2004	KTMT	Mường	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
9.	22022523	Trần Văn Dy	14/07/2004	TTNT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
10.	22022640	Nguyễn Lâm Tùng Bách	30/07/2004	TTNT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
11.	22023102	Hoàng Bùi Huy	22/03/2004	VLKT	Kinh	Con người nhiễm CĐHH	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
12.	22023126	Đỗ Chung Chiến	26/01/2004	VLKT	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
13.	22023152	Vũ Văn Ngọc	24/12/2004	VLKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
14.	22027513	Phản Quý Đường	04/04/2004	KTRB	Dao	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	9.250.000
15.	22027161	Nguyễn Bảo Khánh	15/02/2004	CN HKVT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 2)	12.500.000	9.250.000
16.	22027178	Lê Quốc Đạt	18/04/2004	CN HKVT	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (Chuẩn mức 2)	12.500.000	9.250.000
17.	22020138	Vũ Danh Thái	30/03/2004	CNNN	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn mức 3)	10.000.000	9.250.000
18.	23020006	Mai Khả Anh	01/12/2005	CNTT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
19.	23020033	Trương Quang Duy	16/07/2005	CNTT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
20.	23020153	Nguyễn Phú Thái	20/02/2005	CNTT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
21.	23020160	Phạm Đức Thiện	04/03/2005	CNTT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
22.	23020271	Nguyễn Khắc Hiếu	19/08/2005	KTĐK&TĐH	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
23.	23020329	Nguyễn Vũ Quang Anh	06/09/2005	TTNT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
24.	23020347	Đặng Đức Duy	13/05/2005	TTNT	Tày	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
25.	23020418	Phạm Quân	15/08/2005	TTNT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
26.	23020949	Đinh Thị Ngọc Linh	07/12/2005	VLKT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
27.	23021010	Nguyễn Bá Hiếu	20/06/2005	CNKT CĐT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
28.	23021032	Phạm Đình Khôi Nguyên	25/03/2005	CNKT CĐT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
29.	23021385	Bùi Mạnh Dũng	13/09/2005	CNHKVT	Mường	Sinh viên mồ côi bố/mẹ, người còn lại không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
30.	23020682	Châu Khánh Ly	22/09/2005	CNTT ĐHTTNB	Tày	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
31.	23020977	Phạm Thị Thu Thủy	17/05/2005	VLKT	Mường	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (chuẩn)	17.000.000	9.250.000
32.	24022087	Hà Ngọc Bảo	24/12/2006	KTĐK&TĐH	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
33.	24022135	Đỗ Văn Hùng	07/10/2006	KTĐK&TĐH	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
34.	24022340	Trần Duy Hoàng	8/26/2006	TTNT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
35.	24022459	Trần Đức Thịnh	12/06/2006	TTNT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
36.	24023070	Nguy Thị Ngọc Thu	28/10/2004	TKCN&ĐH	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
37.	24022201	Lô Thị Diệu Sơn	05/11/2006	KTĐK&TĐH	Thái	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (chuẩn)	17.000.000	9.250.000
38.	25022913	Nguyễn Phương Linh	02/02/2007	TTNT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
39.	25022972	Nguyễn Tấn Phát	24/02/2007	TTNT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
40.	25023712	Trần Quỳnh Anh	07/11/2006	TKCN&ĐH	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
41.	25023772	Nguyễn Thúy Bích Hằng	18/05/2007	TKCN&ĐH	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
42.	25024022	Kiều Quốc Phòng	18/11/2007	CNVL	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
43.	25024189	Đào Đức Dũng	27/06/2007	CNSH	Kinh	Sinh viên mồ côi cả bố và mẹ	Miễn HP (Chuẩn)	17.000.000	9.250.000
44.	25022910	Đinh Ngọc Linh	18/11/2007	TTNT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (chuẩn)	17.000.000	9.250.000
45.	25024221	Lê Thị Thủy	27/03/2006	CNSH	Thổ	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (chuẩn)	17.000.000	9.250.000
46.	22021180	Trần Văn Công	05/11/2003	CNTT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
47.	22021187	Lường Thị Hào	28/10/2004	CNTT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
48.	22021519	Lê Hoàng Anh Lượng	03/06/2004	KTĐK&TĐH	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
49.	22021524	Hoàng Thái Sơn	01/06/2004	KTĐK&TĐH	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
50.	22022130	Bùi Việt Hoàng	07/01/2003	KTMT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
51.	22022131	Lao Văn Hùng	01/08/2003	KTMT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
52.	22023185	Dương Đình Vương	27/11/2003	VLKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
53.	22024102	Vi Ngọc Trí	01/11/2003	CKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
54.	22026528	Đỗ Hoài Nam	22/08/2003	CNTT ĐHTTNB	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
55.	22026529	Tổng Việt Tùng	04/03/2003	CNTT ĐHTTNB	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
56.	22026536	Trương Đức Quang	11/10/2004	CNTT ĐHTTNB	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
57.	22021189	Đình Hoàng Nam	14/04/2004	CNTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
58.	22021215	Lương Mạnh Linh	27/11/2004	CNTT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
59.	22022102	Vũ Đình Vương	23/11/2004	KTMT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
60.	22021190	Trần Anh Tú	03/01/2003	CNTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	6.475.000
61.	22027114	Bùi Đức Mạnh	04/02/2004	CNHKVT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn mức 2)	12.500.000	6.475.000
62.	23020017	Nguyễn Phú Cường	13/12/2005	CNTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
63.	23020080	Đình Việt Huy	21/06/2005	CNTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
64.	23020705	Lù Minh Tường	31/10/2005	CNTT ĐHTTNB	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
65.	23020748	Lục Văn Khoa	12/02/2005	KTRB	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (chuẩn)	17.000.000	6.475.000
66.	23020817	Võ Việt Hoàng	27/12/2005	KTMT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
67.	23020849	Lê Thị Linh Nga	05/12/2005	KTMT	Mông	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
68.	23021026	Đàm Đức Mạnh	22/02/2005	CKT	Hoa	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
69.	23021107	Đông Văn Hải	16/02/2005	CNKTXD	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
70.	23021121	Đình Thị Huệ	04/08/2005	CNKTXD	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
71.	23021178	Nguyễn Thủy Tiên	13/11/2005	CNKTXD	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (chuẩn)	17.000.000	6.475.000
72.	23020075	Hà Mạnh Hùng	16/08/2005	CNTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
73.	23020371	Hoàng Mạnh Hùng	27/02/2005	TTNT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
74.	23020697	Tân Văn Quyên	18/09/2005	CNTT ĐHTTNB	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
75.	23020745	Lăng Văn Huy	12/08/2005	KTRB	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
76.	23020758	Bùi Anh Quân	25/08/2005	KTRB	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
77.	24022089	Nguyễn Văn Bình	01/04/2006	KTĐK&TĐH	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
78.	24022397	Đặng Quang Minh	04/02/2006	TTNT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
79.	24022098	Dương Minh Đức	18/07/2006	KTĐK&TĐH	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
80.	24022111	Lê Vũ Duy	26/08/2006	KTĐK&TĐH	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
81.	24022245	Bùi Tuấn An	15/01/2006	TTNT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
82.	24022419	Quách Lê Hồng Ngọc	04/12/2006	TTNT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
83.	24022961	Nguyễn Quốc Đạt	09/11/2006	TKCN&ĐH	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
84.	25023009	Hoàng Thị Ngọc Sơn	10/02/2007	TTNT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
85.	25023061	Hà Doãn Trọng	22/06/2007	TTNT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
86.	25022782	Nông Văn Bách	23/11/2007	TTNT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (Chuẩn)	17.000.000	6.475.000
87.	22021555	Nguyễn Công Thành	22/06/2004	KTĐK&TĐH	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000
88.	22021586	Lê Ngọc Đức	04/12/2004	KTĐK&TĐH	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000
89.	22022520	Phạm Long Nhật	20/11/2004	TTNT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000
90.	22022552	Trần Đức Đăng Khôi	19/05/2004	TTNT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000
91.	22022560	Phạm Khắc Tiệp	15/09/2004	TTNT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000
92.	22022626	Hồ Hà Ngọc Nhật	12/09/2004	TTNT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn mức 1)	15.000.000	4.625.000
93.	23020164	Phạm Minh Thông	17/01/2005	CNTT	Nùng	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000
94.	23020792	Bùi Tiến Dũng	01/09/2005	KTMT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000
95.	23020997	Vũ Mạnh Chiến	22/05/2005	CKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000
96.	24022326	Hoàng Mạnh Hiếu	22/11/2006	TTNT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000
97.	24022944	Trương Ngọc Anh	21/05/2006	TKCN&ĐH	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000
98.	24023094	Nguyễn Thành Vinh	17/08/2006	TKCN&ĐH	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000
99.	25022808	Nguyễn Hữu Dũng	10/07/2007	TTNT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000
100.	25023774	Đặng Minh Hiếu	19/02/2006	TKCN&ĐH	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000
101.	25021090	Hoàng Duy Long	27/07/2007	CKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (Chuẩn)	17.000.000	4.625.000
							Tổng MGHP chuẩn:	1.626.500.000	751.100.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
	II.	CTĐT THEO ĐÌNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT							
102.	23020565	Đặng Anh Quê	19/08/2005	HTTT	Kinh	Con liệt sĩ	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
103.	23021570	Tổng Đức Hùng	19/12/2005	KHMT	Kinh	Con người nhiễm chất độc hóa học	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
104.	23020531	Nguyễn Mạnh Hà	28/02/2005	HTTT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
105.	23021518	Hoàng Thành Đạt	24/07/2005	KHMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
106.	23021732	Lê Huy Thực	24/05/2005	KHMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
107.	23021820	Đỗ Trung Hiếu	01/01/2005	CNKT ĐTVT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
108.	23021917	Bùi Văn Thành	04/10/2005	CNKT ĐTVT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
109.	23021484	Đỗ Quang Cường	07/11/2005	KHMT	Mường	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
110.	23021566	Lưu Văn Hùng	05/03/2004	KHMT	Mường	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
111.	24020100	Đình Văn Dương	12/12/2006	CNTT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
112.	24020121	Tổng Ngọc Hiền	19/02/2006	CNTT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
113.	24020208	Nguyễn Hữu Hải Long	14/11/2006	CNTT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
114.	24020251	Nguyễn Trung Nghĩa	07/02/2006	CNTT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
115.	24020439	Phạm Xuân Đạt	18/08/2006	KTMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
116.	24020474	Trần Anh Duy	10/25/2006	KTMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
117.	24020643	Đình Văn Thái	12/12/2006	CNKTXD	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
118.	24020764	Phạm Đình Kiên	01/09/2006	VLKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
119.	24021096	Đặng Thìn Dũng	30/11/2006	CNKT CĐT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
120.	24021165	Ngô Hải Nam	26/02/2006	CNKT CĐT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
121.	24021168	Phạm Thanh Nghĩa	15/04/2006	CNKT CĐT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
122.	24021849	Lê Chí Kiên	04/12/2006	CNKT ĐT-VT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
123.	24022793	Phạm Huy Hoàng	29/04/2006	MMT&TTDL	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
124.	24020319	Thìn Thị Thúy	15/04/2006	CNTT	Nùng	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
125.	24020921	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/09/2006	CNKTXD	Tày	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
126.	24021679	Hoàng Long Vũ	05/08/2006	KHMT	Kinh	Sinh viên có cả bố và mẹ đều không có khả năng nuôi con	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
127.	25020038	Lê Hữu Bằng	24/03/2007	CNTT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
128.	25020562	Đỗ Minh Hải	21/04/2007	KTMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
129.	25020788	Nguyễn Bá Tân	14/12/2007	KTMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
130.	25021096	Lê Ngọc Nam	18/10/2007	CKT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
131.	25021583	Chu Minh Tấn	19/08/2007	CNHKVT	Nùng	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
132.	25021723	Trần Bá Định	15/10/2007	KHMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
133.	25021914	Lê Thị Bảo Ngọc	25/04/2007	KHMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
134.	25022179	Hoàng Anh Đức	10/06/2007	CNKT ĐTVT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
135.	25022361	Kiều Anh Minh	11/01/2007	CNKT ĐTVT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
136.	23021854	Hoàng Bình Lâm	03/12/2005	CNKT ĐTVT	Tày	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
137.	24021613	Nguyễn Anh Sơn	07/12/2006	KHMT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
138.	24021890	Nguyễn Quang Minh	01/01/2006	CNKT ĐTVT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
139.	24022537	Phạm Mạnh Hùng	27/01/2006	KTNL	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
140.	24022712	Đàm Hồng Quân	01/10/2006	HTTT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
141.	25023631	Lê Văn Lợi	08/10/2007	KTRB	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (nhìn)	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
142.	25020273	Phạm Công Minh	20/12/2007	CNTT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
143.	25021954	Nguyễn Thanh Quang	12/12/2006	KHMT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
144.	25022661	Đặng Minh Hải	02/11/2007	KTĐK&TĐH	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động)	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
145.	25023522	Đặng Trần Minh Quốc	06/02/2007	MMT&TTDL	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật (vận động, nghe,nói, nhìn)	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
146.	23021810	Nguyễn Thanh Hà	04/04/2005	CNKT ĐTVT	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
147.	24022652	Trần Duy Hiếu	01/07/2006	HTTT	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
148.	25020316	Đặng Đức Phú	21/04/2007	CNTT	Kinh	Sinh viên bị mồ côi cả cha và mẹ	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
149.	24021423	Bùi Tiến Dũng	13/01/2006	KHMT	Kinh	Sinh viên mồ côi bố/mẹ, người còn lại không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
150.	25021614	Đặng Ngọc Anh	12/07/2007	KHMT	Kinh	Sinh viên mồ côi bố/mẹ, người còn lại không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
151.	25020213	Đặng Nam Khánh	15/06/2007	CNTT	Kinh	Con người có công với cách mạng	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
152.	25020338	Nguyễn Anh Quân	30/08/2007	CNTT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
153.	25020526	Lê Quang Đạo	29/09/2007	KTMT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
154.	25021274	Trần Đình Thông	19/02/2007	CNKTXD	Kinh	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
155.	25021462	Trần Anh Tuấn	16/06/2007	CNKT CĐT	Kinh	Sinh viên mồ côi bố/mẹ, người còn lại không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
156.	25021741	Trương Anh Đức	15/01/2007	KHMT	Thô	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
157.	25022117	Phạm Văn Duân	01/10/2007	CNKT ĐTVT	Mường	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
158.	25022366	Lý Hoàng Minh	08/07/2007	CNKT ĐTVT	Mường	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
159.	25022399	Nguyễn Bá Trí Nhân	13/05/2007	CNKT ĐTVT	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
160.	25023462	Trần Đức Đạt	09/12/2007	MMT&TTDL	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
161.	25023579	Hoàng Đức Đại	01/11/2007	KTRB	Nùng	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
162.	25023613	Doãn Gia Hưng	29/10/2007	KTRB	Kinh	Con Thương binh/bệnh binh	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
163.	25024228	Lô Duy Khánh	24/02/2006	KTĐK&TĐH	Thái	DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo	Miễn HP (ĐMKTKT)	20.000.000	9.250.000
164.	23020626	Ma Đức Minh	21/01/2005	MMT&TTDL	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
165.	23020878	Quách Thanh Tuấn	22/01/2005	KTMT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
166.	23021627	Lò Châu Minh	23/09/2005	KHMT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
167.	24020067	Bùi Văn Đình	08/02/2006	CNTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
168.	24020443	Hoàng Khánh Điệp	03/02/2006	KTMT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
169.	24020482	Giàng Hải Hà	19/01/2006	KTMT	H'Mông	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
170.	24020484	Giàng A Hải	04/11/2006	KTMT	H'Mông	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
171.	24020486	Lương Minh Hải	02/06/2005	KTMT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
172.	24020540	Nông Việt Khánh	11/24/2005	KTMT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
173.	24020664	Đặng Minh Tiếp	03/06/2006	KTMT	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
174.	24020690	Bùi Hoàng Việt	22/09/2006	KTMT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
175.	24020731	Nông Đức Dũng	23/09/2006	VLKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
176.	24020825	Phạm Vũ Quốc Việt	16/01/2006	VLKT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
177.	24021211	Bùi Xuân Trường	04/11/2006	CNKT CĐT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
178.	24021303	Đặng Trần Nguyên	02/10/2006	CN HKVT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
179.	24021485	Lã Việt Hoàng	08/04/2006	KHMT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
180.	24021635	Bùi Quang Thọ	03/01/2006	KHMT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
181.	24021680	La Minh Vũ	15/03/2006	KHMT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
182.	24021907	Chu Văn Nghĩa	15/04/2006	CNKT ĐTVT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
183.	24021958	Phạm Văn Sơn	25/01/2006	CNKT ĐT-VT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
184.	24022839	Bùi Anh Tuấn	12/11/2006	MMT&TTDL	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
185.	24020289	Đàm Thiên Quốc	10/10/2006	CNTT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
186.	24020330	Nguyễn Thị Kiều Trinh	09/07/2005	CNTT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
187.	24021408	Lục Thị Diệp	27/12/2006	KHMT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
188.	24021606	Đặng Nhật Quang	05/03/2006	KHMT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
189.	24021832	Triệu Thị Thanh Huyền	22/07/2006	CNKT ĐTVT	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
190.	24021912	Bùi Trí Nguyễn	15/09/2006	CNKT ĐTVT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
191.	24021925	Vi Dương Phong	09/07/2006	CNKT ĐTVT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
192.	24022567	Lý Thị Bích Ngọc	12/02/2006	KTNL	Dao	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
193.	24022724	Bùi Thái Sơn	07/03/2006	HTTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
194.	25020190	Đình Nguyễn Hưng	23/01/2007	CNTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
195.	25023673	Hoàng Nông Tuấn	28/04/2007	KTRB	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
196.	25020253	Bùi Duy Mạnh	18/10/2007	CNTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
197.	25020325	Trần Hữu Phước	05/08/2007	CNTT	Hoa	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
198.	25020367	Đình Khánh Toàn	03/11/2007	CNTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
199.	25021298	Chu Thị Kiều Anh	07/06/2007	CNKT CĐT	Nùng	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
200.	25021422	Bùi Đình Ngọc	03/12/2007	CNKT CĐT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
201.	25021509	Hà Nhị Bình	17/10/2007	CNHKVT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
202.	25021544	Vũ Mai Hương	20/05/2007	CNHKVT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
203.	25021588	Dương Quang Tùng	07/04/2007	CNHKVT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
204.	25022554	Ngô Thế Trọng	27/04/2007	CNKT ĐTVT	Thái	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
205.	25023362	Phùng Mai Phương	19/04/2007	HTTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
206.	25023413	Trần Xuân Triều	01/02/2007	HTTT	Mường	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	6.475.000
207.	23020514	Phạm Phúc Việt Anh	21/01/2005	HTTT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
208.	23020628	Nguyễn Tuệ Minh	23/12/2005	MMT&TTDL	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
209.	23021499	Võ Minh Dũng	17/03/2005	KHMT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
210.	23021910	Trần Anh Tuấn	31/10/2005	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
211.	24020475	Trần Lê Duy	06/06/2006	CNKTXD	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
212.	24020523	Phan Bùi Tiến Hùng	26/01/2006	KTMT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
213.	24020564	Lê Duy Mạnh	12/24/2006	KTMT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
214.	24020746	Lê Huy Hoàng	10/06/2006	VLKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
215.	24021073	Trần Văn Báu	06/09/2006	CNKT CĐT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
216.	24021206	Trần Đức Trọng	08/03/2006	CNKT CĐT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
217.	24021272	Nguyễn Đức Hoàn	21/08/2006	CN HKVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
218.	24021496	Nguyễn Minh Hùng	03/02/2006	KHMT	Mường	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
219.	24021777	Bùi Hoàng Hải	20/08/2006	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
220.	24021810	Nguyễn Xuân Hùng	22/04/2006	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
221.	24021845	Phan Trọng Khôi	19/07/2006	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
222.	24021866	Nguyễn Nhật Linh	29/10/2006	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
223.	24021931	Nguyễn Thị Mai Phương	20/06/2006	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
224.	24021979	Phạm Công Thứ	20/01/2006	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
225.	24022497	Nguyễn Tuấn Anh	22/03/2006	KTNL	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
226.	24022910	Lê Xuân Thành	23/01/2006	KTRB	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
227.	24022926	Nguyễn Hữu Tùng	12/07/2006	KTRB	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
228.	25020692	Đình Ngọc Minh	06/12/2007	KTMT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
229.	25020782	Trần Trường Sơn	06/07/2007	KTMT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
230.	25021103	Vũ Minh Quang	29/12/2007	CKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
231.	25021115	Phạm Anh Vũ	21/11/2007	CKT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
232.	25022111	Nguyễn Đình Chính	25/06/2007	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
233.	25022508	Nguyễn Minh Thái	16/11/2007	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
234.	25022663	Phạm Bá Hiệp	31/10/2007	KTĐK&TĐH	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
235.	25022668	Trần Anh Hoàng	09/12/2007	KTĐK&TĐH	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
236.	25023333	Lê Phương Nam	18/02/2007	HTTT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
237.	24020945	Nguyễn Anh Đức	06/01/2006	CNKTXD	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
238.	25023596	Trần Đỗ Đức Hiệp	28/06/2007	KTRB	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
239.	25020440	Nguyễn Trường An	26/10/2007	KTMT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
240.	25022428	Nguyễn Quỳnh Phương	09/03/2007	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50% HP (ĐMKTKT)	20.000.000	4.625.000
							Tổng MGHP ĐMKTKT:	2.780.000.000	1.009.175.000
	III.	CTĐT THEO ĐỊNH MỨC THÔNG TƯ 23							
241.	22026114	Hoàng Tùng Dương	11/09/2004	CNKT CĐT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000
242.	22028037	Trịnh Ngọc Chiến	06/12/2004	KHMT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000
243.	22028093	Chu Quang Cần	23/01/2004	KHMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000
244.	22028298	Nguyễn Đức Phát	13/04/2004	KHMT	Kinh	Con người nhiễm chất độc hóa học	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000
245.	22028304	Lê Trung Hiếu	10/09/2004	KHMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000
246.	22028307	Nguyễn Nhật Quang	14/12/2003	KHMT	Kinh	Sinh viên bị khuyết tật	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000
247.	22028328	Nguyễn Nho Hiếu	10/01/2004	KHMT	Kinh	Con Thương binh/Bệnh binh	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	Đối tượng	Hưởng chính sách (dự kiến)	Tổng HP trong HK niên chế (đ)	Kinh phí nhà nước cấp bù (đ)
248.	22029014	Hà Đức Minh	21/12/2004	CNKT ĐTVT	Kinh	Sinh viên mồ côi bố/mẹ, người còn lại không có khả năng nuôi dưỡng	Miễn HP (TT23)	17.500.000	9.250.000
249.	22028176	Mã Nguyễn Khánh Hùng	15/05/2004	KHMT	Mông	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (TT23)	17.500.000	6.475.000
250.	22028259	Hoàng Đức Dương	25/12/2004	KHMT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (TT23)	17.500.000	6.475.000
251.	22028256	Tô Phan Tú	20/09/2004	KHMT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70% HP (TT23)	17.500.000	6.475.000
252.	22028270	Nguyễn Quang Trung	07/08/2004	KHMT	Tày	DTTS, ở vùng III/vùng ĐBKK	Giảm 70%HP (TT23)	17.500.000	6.475.000
253.	21021580	Phạm Thu Hằng	14/09/2003	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (TT23)	3.500.000	925.000
254.	22025530	Nguyễn Bảo Ngọc	02/11/2004	MMT&TTDL	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (TT23)	17.500.000	4.625.000
255.	22025537	Nguyễn Quang Anh	08/12/2004	MMT&TTDL	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (TT23)	17.500.000	4.625.000
256.	22028203	Đặng Mạnh Cường	16/12/2004	KHMT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (TT23)	17.500.000	4.625.000
257.	22029095	Trần Tuấn Hưng	30/11/2004	CNKT ĐTVT	Kinh	Con cán bộ bị TNLĐ	Giảm 50%HP (TT23)	17.500.000	4.625.000
							Tổng MGHP TT23:	283.500.000	119.325.000
							Tổng MGHP toàn trường (gồm 257 sinh viên):	4.690.000.000	1.879.600.000
<i>Số tiền Nhà nước cấp bù: Một tỉ, tám trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng./.</i>									